CTCP Xi măng VICEM Hải Vân (HSX: HVX)

FireAnt

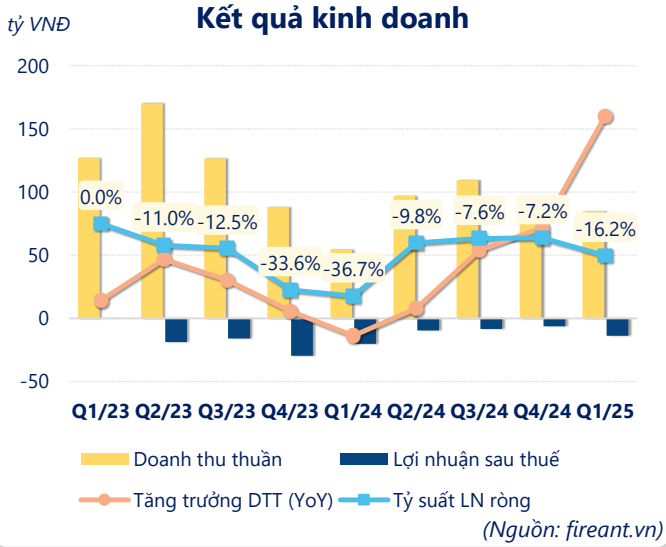
Ngày 31/03/2025	2,620 VNĐ		
	1 tháng	3 tháng	6 tháng
Thay đổi	-3.0%	-7.1%	1.6%

ROE 2024: -12.5% | +/- YoY ▲ 3.3%

	Q1/25	QoQ	YoY
DT thuần	84.8 tỷ VNĐ	▼ 1.60 ▼ 1.9%	▲ 30.0 ▲ 54.7%
LN gộp	5.36 tỷ VNĐ	▲ 2.61 ▲ 95.1%	▲ 17.0 ▲ 146%
LN thuần	-2.82 tỷ VNĐ	▲ 3.36 ▲ 54.3%	▲ 17.3 ▲ 86.0%
LN sau thuế	-13.7 tỷ VNĐ	▼ 7.44 ▼ 119%	▲ 6.40 ▲ 31.7%

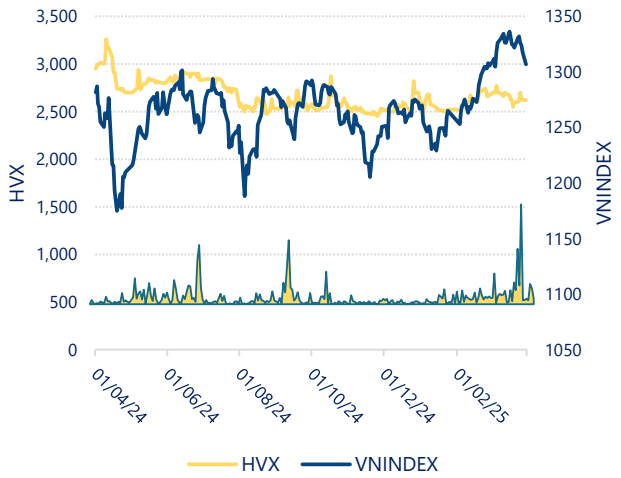
	2024	YoY
DT thuần	348 tỷ VNĐ	▼ 164 ▼ 32.1%
LN gộp	32.5 tỷ VNĐ	▲ 58.1 ▲ 227%
LN thuần	-0.93 tỷ VNĐ	▲ 61.7 ▲ 98.5%
LN sau thuế	-43.8 tỷ VNĐ	▲ 20.3 ▲ 31.6%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

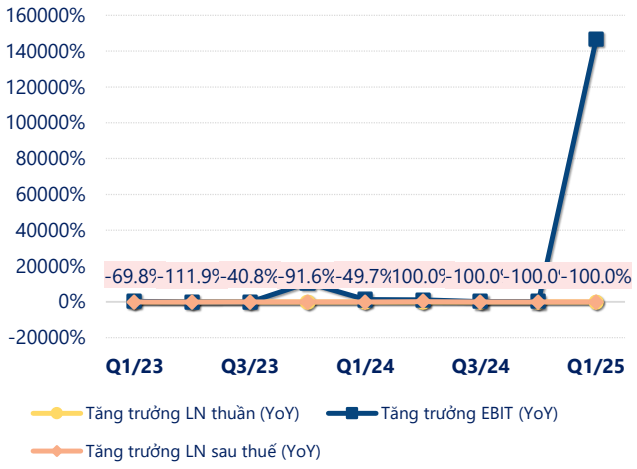
Lịch sử giá



CTCP Xi măng VICEM Hải Vân (HSX: HVX)

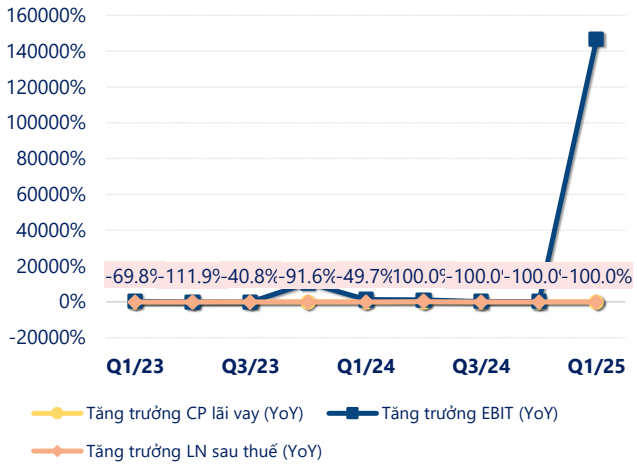
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



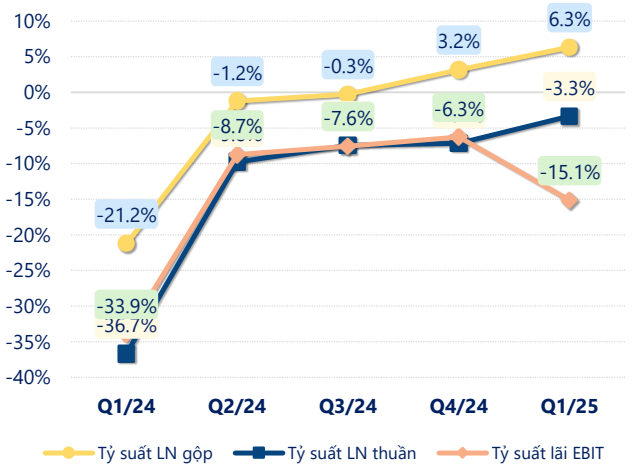
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



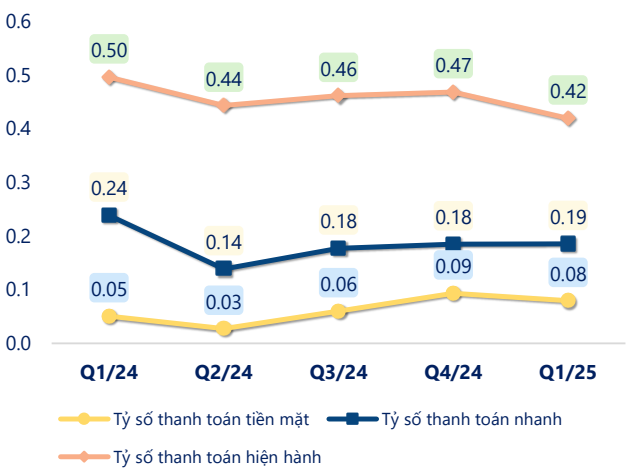
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



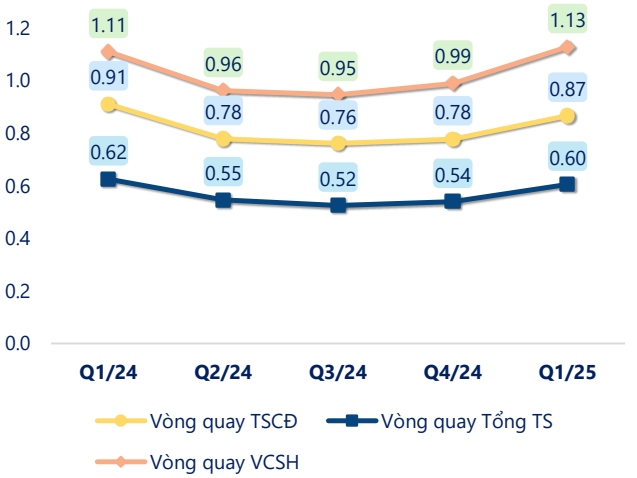
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



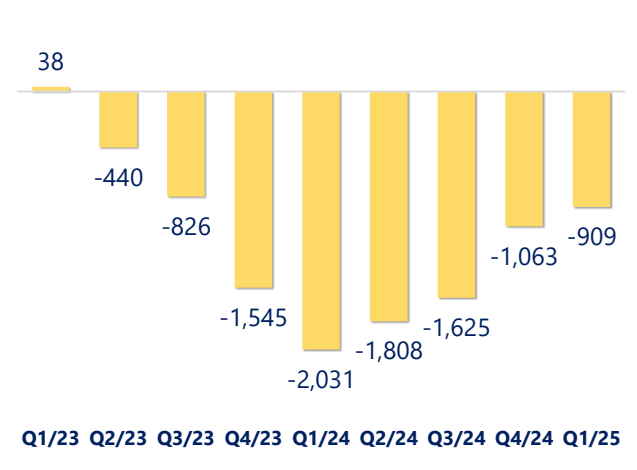
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

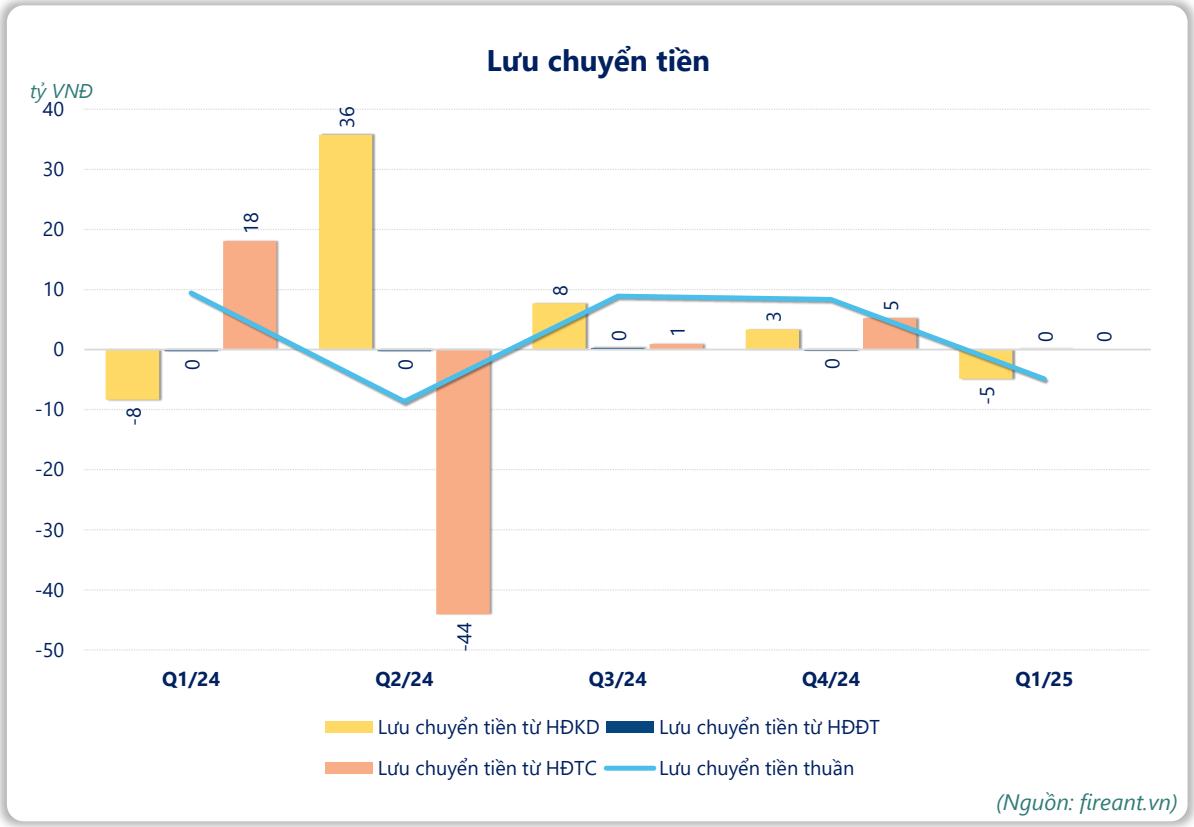


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Xi măng VICEM Hải Vân (HSX: HVX)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**84.8**	**54.8**	**54.7%**	**348**	**512**	**-32.1%**
Giá vốn hàng bán	79.4	66.4	19.6%	315	538	-41.3%
Lợi nhuận gộp	5.36	-11.6	146%	32.5	-25.6	227%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00		0.02	0.02	-15.5%
Chi phí TC	0.89	1.51	-41.2%	4.12	6.09	-32.3%
Chi phí lãi vay	0.89	1.51	-41.2%	4.12	6.09	-32.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.78	0.46	68.9%	2.86	1.79	59.8%
Chi phí QLDN	**6.53**	**6.49**	**0.6%**	**26.5**	**29.2**	**-9.4%**
LN thuần từ HĐKD	-2.82	-20.1	86.0%	-0.93	-62.6	98.5%
Lợi nhuận khác	**-10.9**	**0.00**		**-42.9**	**-1.33**	**-3126%**
LN trước thuế	-13.7	-20.1	31.7%	-43.8	-64.0	31.5%
Lợi nhuận sau thuế	**-13.7**	**-20.1**	**31.7%**	**-43.8**	**-64.1**	**31.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-13.7**	**-20.1**	**31.7%**	**-43.8**	**-64.1**	**31.6%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)